

CƠ CHẾ PHỤC HỒI DOANH NGHIỆP THEO LUẬT PHỤC HỒI, PHÁ SẢN NĂM 2025: NHÌN TỪ THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP RÚT LUI KHỎI THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2025-2026

LÊ MINH HOÀNG

Khoa Luật, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Nhận bài ngày 19/8/2026. Sửa chữa xong 15/9/2026. Duyệt đăng 20/9/2026.

Abstract

This article examines business rehabilitation under Vietnam's Law on Rehabilitation and Bankruptcy No. 142/2025/QH15 based on enterprise market-exit data for 2025 and the first eight months of 2026. In 2025, 227.2 thousand enterprises exited the market: 114.4 thousand temporarily suspended operations, 76.9 thousand were awaiting dissolution, and 35.9 thousand completed dissolution procedures. In the first quarter of 2026, 91.8 thousand enterprises exited the market, of which 90.3% had registered capital of less than VND 10 billion. The legal analysis focuses on Articles 5, 24–35, and 68–69, particularly the six-month insolvency threshold, filing requirements, the stay of individual enforcement, creditor voting, and simplified rehabilitation procedures. The article compares these statutory thresholds and mechanisms with the size and difficulties of enterprises actually exiting the market.

Keywords: Bankruptcy; business rehabilitation; enterprise dissolution; insolvency; market exit; small enterprises.

1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường có xu hướng gia tăng, cho thấy hoạt động sản xuất, kinh doanh vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn. Theo Cục Thống kê (2026a), năm 2025 có hơn 227 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng đáng kể so với năm trước. Đáng chú ý, phần lớn doanh nghiệp thuộc nhóm tạm ngừng kinh doanh hoặc ngừng hoạt động chờ giải thể, bên cạnh một bộ phận doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể. Xu hướng này tiếp tục được thể hiện trong năm 2026 khi số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong những tháng đầu năm vẫn ở mức cao (Cục Thống kê, 2026c; 2026d).

Tuy nhiên, cần phân biệt rõ các trạng thái pháp lý của doanh nghiệp khi đánh giá vấn đề phục hồi và xử lý doanh nghiệp gặp khó khăn. Tạm ngừng kinh doanh là một trạng thái đăng ký của doanh nghiệp và không đồng nghĩa với tình trạng mất khả năng thanh toán. Trong khi đó, phá sản là một thủ tục tư pháp được tiến hành theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản và chỉ được xác lập khi đáp ứng các điều kiện luật định, kết thúc bằng quyết định của Tòa án. Vì vậy, số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoặc rút lui khỏi thị trường không thể được sử dụng để đồng nhất với số doanh nghiệp thuộc diện phá sản.

Trong bối cảnh đó, hiệu quả của cơ chế phục hồi doanh nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Một trong những vấn đề đặt ra là liệu các quy định về điều kiện tiếp cận thủ tục, hồ sơ, bảo toàn tài sản, xây dựng phương án phục hồi, tổ chức Hội nghị chủ nợ và thủ tục rút gọn có thực sự phù hợp với đặc điểm của nhóm doanh nghiệp đang gặp khó khăn, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô vốn và nguồn lực hạn chế hay không.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích ba nhóm quy định chủ yếu của Luật Phục hồi, phá sản, gồm: quy định về người có quyền nộp đơn và hồ sơ yêu cầu; quy định về bảo toàn tài sản, phương án phục hồi, Hội nghị chủ nợ và cơ chế giám sát; và quy định về thủ tục rút gọn. Các quy định này

Email: leminhhoang@tdtu.edu.vn.

được xem xét trong mối liên hệ với thực tiễn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong giai đoạn 2025–2026, qua đó đánh giá mức độ phù hợp của pháp luật hiện hành và chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số đặc điểm của doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường giai đoạn 2025-2026

2.1.1. Tạm ngừng kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong dòng doanh nghiệp rút lui

Trong 227,2 nghìn doanh nghiệp rút lui năm 2025, nhóm tạm ngừng kinh doanh có thời hạn chiếm khoảng 50,4%, nhóm chờ giải thể chiếm khoảng 33,8% và nhóm đã hoàn tất giải thể chiếm khoảng 15,8%. Nếu so với năm trước, nhóm tạm ngừng tăng 14,3%, còn nhóm hoàn tất giải thể tăng 66,1% (Cục Thống kê, 2026a). Chênh lệch giữa 114,4 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng và 35,9 nghìn doanh nghiệp đã giải thể cho thấy “rút lui khỏi thị trường” là một khái niệm thống kê gồm nhiều trạng thái, trong đó không phải trạng thái nào cũng mang tính chấm dứt vĩnh viễn.

Dữ liệu chín tháng năm 2025 làm rõ hơn đặc điểm này. Có 56,9% doanh nghiệp rút lui lựa chọn tạm ngừng kinh doanh có thời hạn; 89,7% doanh nghiệp rút lui có vốn đăng ký dưới 10 tỷ đồng. Xét theo khu vực kinh tế, dịch vụ có hơn 130,7 nghìn doanh nghiệp rút lui, công nghiệp và xây dựng hơn 41,6 nghìn, còn nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản gần 2,6 nghìn doanh nghiệp (Cục Thống kê, 2025). Như vậy, doanh nghiệp rút lui tập trung chủ yếu ở khu vực dịch vụ và phần rất lớn thuộc nhóm vốn nhỏ.

Quý I/2026 tiếp tục ghi nhận cấu trúc gần giống. Trong 91,8 nghìn doanh nghiệp rút lui có gần 63,5 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng, tương đương 69,1%; 90,3% doanh nghiệp rút lui có vốn đăng ký dưới 10 tỷ đồng (Cục Thống kê, 2026e). Nếu quy đổi đơn giản, cứ 10 doanh nghiệp rút lui thì khoảng 9 doanh nghiệp thuộc nhóm vốn đăng ký dưới 10 tỷ đồng. Vốn đăng ký không phải số nợ phải trả nên tỷ lệ 90,3% không thể dùng để suy ra số doanh nghiệp đủ điều kiện phục hồi rút gọn. Tuy nhiên, số liệu này cho thấy thủ tục phục hồi nếu quá đắt hoặc quá phức tạp sẽ khó tiếp cận đúng nhóm doanh nghiệp xuất hiện nhiều nhất trong dòng rút lui.

Tám tháng đầu năm 2026 còn xuất hiện một chuyển động khác: số doanh nghiệp tạm ngừng có thời hạn giảm 7,3%, số doanh nghiệp chờ giải thể giảm 40,3%, nhưng số doanh nghiệp hoàn tất giải thể tăng 125,5% so với cùng kỳ. Tính tuyệt đối, có hơn 88 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng, gần 28,6 nghìn doanh nghiệp chờ giải thể và hơn 40,8 nghìn doanh nghiệp hoàn tất giải thể; bình quân mỗi tháng có 19,7 nghìn doanh nghiệp rút lui (Cục Thống kê, 2026d). Việc số hoàn tất giải thể tăng nhanh cho thấy thời điểm can thiệp có ý nghĩa: khi doanh nghiệp đã hoàn thành thủ tục chấm dứt, không còn không gian cho một phương án phục hồi tư pháp.

2.1.2. Khó khăn của doanh nghiệp không chỉ nằm ở một khoản nợ đến hạn

Khảo sát tình hình sản xuất, kinh doanh quý I/2026 của Cục Thống kê được triển khai với 19.907 doanh nghiệp tại 34 tỉnh, thành phố; có 19.392 doanh nghiệp trả lời, đạt tỷ lệ 97,4%. Mẫu khảo sát gồm 6.239 doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo, 5.975 doanh nghiệp xây dựng và 7.693 doanh nghiệp thương mại, dịch vụ (Cục Thống kê, 2026f). Quy mô mẫu tương đối lớn cho phép nhìn rõ hơn nguyên nhân phía sau tình trạng thiếu dòng tiền, thu hẹp sản xuất hoặc tạm ngừng hoạt động.

Đối với thương mại, dịch vụ, 63,5% doanh nghiệp cho rằng cạnh tranh trong nước cao là yếu tố bất lợi; 58,5% nêu nhu cầu thị trường trong nước thấp; 45,7% gặp khó khăn do giá nguyên, nhiên, vật liệu và chi phí kho bãi; 35,5% chịu ảnh hưởng của lãi suất vay cao; 28,7% gặp khó khăn về tài chính. Ngoài ra, 22,9% gặp trở ngại trong xúc tiến, mở rộng thị trường; 21,3% chịu ảnh hưởng từ thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh; 14,6% không tuyển được lao động theo yêu cầu; 6,3% không tiếp cận được vốn vay và 6,1% gặp khó do thiết bị, công nghệ lạc hậu (Cục Thống kê, 2026g).

Ở nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo, 48,9% doanh nghiệp đánh giá cạnh tranh trong nước cao, 45,6% cho rằng nhu cầu thị trường trong nước thấp, 28,6% gặp khó do nhu cầu quốc tế chưa phục hồi như kỳ vọng, 27,5% chịu tác động của lãi suất vay cao và 27,3% gặp khó do thiếu nguyên, nhiên, vật

liệu. Có 25,3% doanh nghiệp không tuyển được lao động phù hợp, 21,2% gặp khó khăn về tài chính hoặc chịu cạnh tranh từ hàng nhập khẩu, 13,1% bị ảnh hưởng bởi thiết bị, công nghệ lạc hậu (Cục Thống kê, 2026g).

Đối với xây dựng, 70,1% doanh nghiệp được hỏi cho biết giá nguyên vật liệu tăng là yếu tố bất lợi; 44,6% thiếu hợp đồng xây dựng mới; 26,6% thiếu nguồn cung vật liệu; 24,8% cho rằng năng lực cạnh tranh còn hạn chế; 19,9% gặp vướng mắc về thủ tục hành chính và 16,2% chịu ảnh hưởng của tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (Cục Thống kê, 2026g). So với nhóm thương mại, dịch vụ, doanh nghiệp xây dựng chịu tác động nổi bật hơn từ giá vật liệu và nguồn hợp đồng mới. Điều này cho thấy một phương án phục hồi không thể chỉ có một mẫu chung cho mọi ngành.

Các tỷ lệ trên cho thấy cơ cấu lại nợ chỉ là một phần của phục hồi. Khoản 1 Điều 28 yêu cầu phương án phải nêu biện pháp phục hồi, điều kiện, thời hạn và kế hoạch thanh toán; khoản 2 quy định thứ tự ưu tiên thanh toán; khoản 3 cho doanh nghiệp 30 ngày từ ngày thụ lý để hoàn thiện phương án (Quốc hội, 2025). Vì vậy, doanh nghiệp xây dựng thiếu hợp đồng mới phải lượng hóa giá trị hợp đồng, khoản phải thu và dòng tiền; doanh nghiệp thương mại chịu lãi suất cao phải chỉ rõ phần nợ để nghị cơ cấu và mức chi phí dự kiến giảm.

2.2. Từ thực tiễn Luật Phá sản năm 2014 đến cách tiếp cận của Luật Phá sản năm 2025

2.2.1. Thủ tục phục hồi trước đây được sử dụng rất ít

Theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách của Tòa án nhân dân tối cao, từ ngày 01/10/2015 đến ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân các cấp thụ lý 906 vụ việc phá sản và ra quyết định mở thủ tục phá sản 682 vụ. Trong cùng giai đoạn có 208 quyết định tuyên bố phá sản theo thủ tục thông thường, 32 quyết định theo thủ tục rút gọn, nhưng số vụ áp dụng thủ tục phục hồi ở mức dưới 10 vụ (Tòa án nhân dân tối cao, 2025). Nếu chỉ tính số hồ sơ được Tòa án thụ lý, phục hồi đã là một tỷ lệ rất nhỏ; nếu đặt cạnh hàng trăm nghìn doanh nghiệp tạm ngừng, chờ giải thể hoặc giải thể mỗi năm, khoảng cách càng rõ.

Trong 906 vụ việc được thụ lý giai đoạn 01/10/2015-30/9/2022, 682 vụ được mở thủ tục, tương đương khoảng 75,3%. Số quyết định tuyên bố phá sản theo hai thủ tục là 240 vụ, bằng khoảng 35,2% số vụ đã mở thủ tục; số vụ áp dụng phục hồi dưới 10, tức thấp hơn 1,5% số vụ đã mở thủ tục (Tòa án nhân dân tối cao, 2025). Cách thiết kế của Luật Phá sản 2014 góp phần giải thích con số này. Điều 87 chỉ cho doanh nghiệp xây dựng phương án trong 30 ngày sau khi Hội nghị chủ nợ đã quyết định áp dụng thủ tục phục hồi; Điều 91 đặt việc thông qua phương án trong tiến trình phá sản và yêu cầu quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm có mặt, đại diện từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm tán thành (Luật Phá sản, 2014).

Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 đảo thứ tự đó. Khoản 1 Điều 24 cho phép chính doanh nghiệp yêu cầu phục hồi ngay khi có nguy cơ mất hoặc đã mất khả năng thanh toán; khoản 1 Điều 25 yêu cầu phương án phục hồi phải đi cùng đơn ngay từ đầu. So với Điều 87 Luật năm 2014, thời điểm lập phương án được đưa lên trước Hội nghị chủ nợ. Sự thay đổi này có thể kiểm tra bằng ba chỉ tiêu sau khi Luật vận hành: số đơn phục hồi nộp theo Điều 24, tỷ lệ đơn được thụ lý theo Điều 25 và số phương án được Hội nghị chủ nợ thông qua theo Điều 33.

2.2.2. Luật năm 2025 đưa thời điểm can thiệp lên sớm hơn

Điều 5 Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 phân biệt hai trạng thái. Doanh nghiệp “có nguy cơ mất khả năng thanh toán” là doanh nghiệp không thanh toán được khoản nợ sẽ đến hạn trong sáu tháng hoặc có khoản nợ đã đến hạn nhưng chưa quá sáu tháng; doanh nghiệp “mất khả năng thanh toán” là doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ sau sáu tháng kể từ ngày đến hạn (Luật Phục hồi, phá sản, 2025). So với cách tiếp cận chỉ tập trung vào tình trạng đã mất khả năng thanh toán, việc ghi nhận giai đoạn “có nguy cơ” mở ra một khoảng xử lý trước khi doanh nghiệp bị đẩy sâu hơn vào khủng hoảng dòng tiền.

Trình tự ban đầu tại Điều 25 có thể tính thành hai mốc. Trong 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đơn, Chánh án phải phân công một Thẩm phán hoặc tổ Thẩm phán; từ ngày được phân công, Thẩm phán có

12 ngày để xem xét và lựa chọn một trong các hướng xử lý: thông báo nộp lệ phí, yêu cầu sửa đổi, bổ sung, chuyển đơn hoặc trả lại đơn theo luật định (Luật Phục hồi, phá sản, 2025). Như vậy, nếu hồ sơ đầy đủ, giai đoạn xem xét ban đầu được đặt trong một khung thời gian xác định thay vì để doanh nghiệp chờ không rõ thời điểm.

2.3. Một số cơ chế phục hồi theo Luật Phục hồi, phá sản năm 2025

2.3.1. Doanh nghiệp có thể yêu cầu phục hồi từ giai đoạn có nguy cơ mất khả năng thanh toán

Khoản 1 Điều 24 xác định bốn nhóm có quyền nộp đơn: người đại diện theo pháp luật; Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên; Đại hội thành viên của hợp tác xã; chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Khoản 1 Điều 25 tiếp tục yêu cầu hồ sơ có phương án phục hồi, danh sách chủ nợ, người mắc nợ và tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu có căn cứ, hợp pháp; người nộp đơn chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách chủ nợ và người mắc nợ (Luật Phục hồi, phá sản, 2025).

Quý I/2026 có gần 63,5 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng, chiếm khoảng 69,1% số doanh nghiệp rút lui (Cục Thống kê, 2026e). Tuy nhiên, con số 63,5 nghìn không phải số doanh nghiệp đủ điều kiện nộp đơn theo Điều 24. Một doanh nghiệp chỉ bước vào thủ tục khi trạng thái thanh toán đáp ứng Điều 5 và hồ sơ đáp ứng Điều 25. Cách phân biệt này giúp tránh việc dùng số liệu “tạm ngừng” như một đại lượng thay thế cho “mất khả năng thanh toán”.

2.3.2. Tạm dừng một số biện pháp thu nợ để doanh nghiệp có thời gian xây dựng phương án

Điều 27 quy định cụ thể “khoảng dừng” sau khi Tòa án thụ lý. Trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận thông báo, cơ quan thi hành án dân sự phải tạm đình chỉ thi hành án về tài sản, trừ các trường hợp như bồi thường tính mạng, sức khỏe, trả lương, trợ cấp thôi việc, kê biên để sung quỹ nhà nước hoặc nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba. Khoản 2 yêu cầu tạm dừng xử lý tài sản bảo đảm trong phạm vi luật định; khoản 4 tạm dừng cưỡng chế và thu hồi nợ (Luật Phục hồi, phá sản, 2025).

Khoản 3 Điều 27 còn tách hai trường hợp tài sản bảo đảm: nếu tài sản được dùng cho phương án phục hồi thì thời hạn xử lý theo nghị quyết Hội nghị chủ nợ; nếu không dùng cho phương án thì xử lý theo thời hạn hợp đồng và quy định của Luật. Vì vậy, thụ lý phục hồi không đồng nghĩa với “đồng băng” mọi quyền của chủ nợ.

2.3.3. Phương án phục hồi và tỷ lệ biểu quyết của chủ nợ

Điều 33 quy định trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận phương án, Thẩm phán xem xét triệu tập Hội nghị chủ nợ; khoản 6 yêu cầu chủ nợ đại diện từ 65% tổng số nợ của những người tham gia biểu quyết tán thành. Khoản 7 cho phép Hội nghị thông qua phương án, đề nghị đình chỉ hoặc đề nghị chuyển sang phá sản. Sau đó, khoản 1 Điều 34 cho Thẩm phán 07 ngày để công nhận nghị quyết hoặc không công nhận nếu nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật (Luật Phục hồi, phá sản, 2025).

Nội dung phương án được cụ thể tại Điều 28: biện pháp phục hồi, điều kiện, thời hạn và kế hoạch trả nợ; thứ tự ưu tiên thanh toán; thời hạn 30 ngày để hoàn thiện. Nếu Hội nghị chủ nợ không ấn định thời hạn thực hiện, khoản 2 Điều 29 giới hạn ở không quá 03 năm. Trong thời gian thực hiện, khoản 2 Điều 35 yêu cầu báo cáo 03 tháng một lần (Luật Phục hồi, phá sản, 2025).

2.3.4. Thủ tục phục hồi rút gọn và nhóm doanh nghiệp quy mô nhỏ

Điều 68 quy định trong 10 ngày từ ngày thụ lý, Thẩm phán xem xét thủ tục phục hồi rút gọn nếu doanh nghiệp có không quá 20 chủ nợ không có bảo đảm và nợ gốc không quá 10 tỷ đồng; hoặc là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ; hoặc trường hợp khác theo luật. Khoản 3 cho phép chuyển sang thủ tục thông thường nếu không còn đủ điều kiện. Điều 69 rút thời hạn xuống bằng một nửa thủ tục thông thường và hạ ngưỡng thông qua nghị quyết xuống 51% tổng số nợ của chủ nợ tham gia biểu quyết (Luật Phục hồi, phá sản, 2025).

Chín tháng năm 2025 có 89,7% doanh nghiệp rút lui mang vốn đăng ký dưới 10 tỷ đồng; quý I/2026 là 90,3% (Cục Thống kê, 2025; 2026e). Vốn đăng ký không phải nợ gốc nên không thể đồng nhất với điểm a

khoản 2 Điều 68. Tuy nhiên, tỷ lệ này cho thấy quy mô nhỏ là đặc điểm phổ biến của doanh nghiệp rút lui, làm cho điều kiện doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ tại điểm b khoản 2 Điều 68 có ý nghĩa thực tế.

Khoản 1 Điều 68 quy định nội dung nào Mục thủ tục rút gọn không điều chỉnh thì áp dụng quy định tương ứng của Luật. Vì vậy, doanh nghiệp vẫn phải đáp ứng các yêu cầu hồ sơ cơ bản tại Điều 25. Khoản 4 Điều 68 giao Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn chi tiết; phần hướng dẫn này cần làm rõ biểu mẫu, cách xác nhận công nợ và tài liệu tối thiểu cho doanh nghiệp nhỏ.

2.3.5. Vai trò của Quản tài viên và việc tiếp tục điều hành doanh nghiệp

Khoản 1 Điều 30 cho phép doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh sau khi Tòa án thụ lý nhưng phải chịu giám sát của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và Ban đại diện chủ nợ. Khoản 1 Điều 31 cấm cất giấu, tẩu tán, tặng cho tài sản; từ bỏ quyền đòi nợ; thanh toán nợ cũ; chuyển nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm; phân chia lợi nhuận, trừ ngoại lệ tại khoản 2. Điều 32 yêu cầu báo cáo trước khi vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, chuyển nhượng tài sản hoặc chấm dứt hợp đồng có hiệu lực (Luật Phục hồi, phá sản, 2025).

Khoản 2 Điều 30 cho phép Thẩm phán lựa chọn người đại diện theo pháp luật khác nếu người hiện tại không có khả năng điều hành hoặc doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm Điều 31. Với doanh nghiệp có vốn nhà nước, Điều 3 Nghị định 187/2026/NĐ-CP nêu các trường hợp như vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền, chết, mất tích, bị tạm giam hoặc bị cấm đảm nhiệm chức vụ; Điều 4 quy định chủ thể có quyền đề nghị thay đổi. Điều 15 Nghị định 65/2026/NĐ-CP quy định trách nhiệm nghề nghiệp của Quản tài viên, còn Điều 21 quy định căn cứ và phương thức tính thù lao.

2.4. Một số vấn đề đặt ra khi đối chiếu quy định mới với số liệu doanh nghiệp

2.4.1. Khoảng cách giữa doanh nghiệp tạm ngừng và doanh nghiệp sử dụng thủ tục phục hồi

Năm 2025 có 114,4 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn; quý I/2026 có gần 63,5 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng. Trong khi đó, kinh nghiệm gần tám năm thi hành Luật Phá sản 2014 chỉ ghi nhận dưới 10 vụ áp dụng thủ tục phục hồi (Cục Thống kê, 2026a; 2026e; Tòa án nhân dân tối cao, 2025). Hai nhóm số liệu không thể so sánh trực tiếp về mặt pháp lý, nhưng chúng cho thấy thủ tục phục hồi trước đây gần như đứng ngoài dòng vận động thông thường của doanh nghiệp.

Yêu cầu hồ sơ của Luật Phục hồi, phá sản 2025 vừa là lợi thế, vừa là một chi phí đầu vào. Điều 25 buộc doanh nghiệp nộp phương án phục hồi, danh sách chủ nợ và người mắc nợ ngay cùng đơn (Luật Phục hồi, phá sản, 2025); trong khi Điều 87 Luật Phá sản 2014 chỉ yêu cầu xây dựng phương án sau khi Hội nghị chủ nợ đã quyết định áp dụng phục hồi (Luật Phá sản, 2014). Sự thay đổi này có thể đo bằng dữ liệu hồ sơ: tỷ lệ đơn phải sửa đổi, bổ sung; số ngày từ khi nộp đến khi thụ lý; và tỷ lệ đơn bị trả lại. Nếu doanh nghiệp nhỏ chiếm phần lớn số đơn phải bổ sung vì không lập được danh sách công nợ hoặc phương án dòng tiền, chính yêu cầu đầu vào của Điều 25 sẽ là điểm cần tiếp tục hướng dẫn.

2.4.2. Thủ tục rút gọn có đúng đối tượng nhưng vẫn cần kiểm tra chi phí thực tế

Điều 68-69 tạo bốn chỉ tiêu có thể theo dõi riêng: số vụ có không quá 20 chủ nợ không có bảo đảm; số vụ có nợ gốc không quá 10 tỷ đồng; số vụ được áp dụng vì thuộc doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ; và thời gian thực tế từ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn đến Hội nghị chủ nợ. Ngoài ra, cần ghi nhận tỷ lệ nghị quyết đạt ngưỡng 51% tại khoản 2 Điều 69 (Luật Phục hồi, phá sản, 2025). Những chỉ tiêu này cho biết thủ tục rút gọn đang được sử dụng theo tiêu chí nào, thay vì chỉ biết tổng số vụ.

Chi phí Quản tài viên cũng cần tách thành số liệu. Điều 21 Nghị định 65/2026/NĐ-CP xác định chi phí gồm thù lao và các chi phí khác; thù lao dựa trên thời gian, công sức và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy, báo cáo thực tiễn nên ghi ít nhất ba con số cho mỗi vụ rút gọn: tổng chi phí Quản tài viên, số ngày xử lý và giá trị nợ gốc của vụ việc. Chỉ khi đặt ba chỉ tiêu này cạnh nhau mới có thể biết thủ tục “rút gọn” có làm giảm chi phí tương ứng với quy mô doanh nghiệp hay không.

2.4.3. Khó khăn tài chính của doanh nghiệp có tính đa nguyên nhân

Khảo sát quý I/2026 cho thấy nguyên nhân khó khăn khác nhau khá rõ giữa các nhóm ngành. Trong

thương mại, dịch vụ, 63,5% doanh nghiệp nêu cạnh tranh trong nước cao; 58,5% cho biết nhu cầu thị trường thấp; 45,7% chịu áp lực từ giá đầu vào và chi phí kho bãi; 35,5% chịu lãi suất vay cao và 28,7% gặp khó khăn về tài chính. Với xây dựng, tỷ lệ lớn nhất lại nằm ở giá nguyên vật liệu, 70,1%; tiếp đến là thiếu hợp đồng mới, 44,6%; thiếu nguồn cung vật liệu, 26,6%; vướng thủ tục hành chính, 19,9%; chậm giải phóng mặt bằng, 16,2% (Cục Thống kê, 2026f; 2026g). Hai nhóm số liệu này cho thấy cùng là thiếu dòng tiền nhưng nguyên nhân phía sau không giống nhau.

Khoản 1 Điều 28 yêu cầu phương án ghi biện pháp phục hồi, điều kiện, thời hạn và kế hoạch thanh toán; khoản 3 cho 30 ngày từ ngày thụ lý để hoàn thiện phương án. Vì vậy, hồ sơ của doanh nghiệp xây dựng nên có tối thiểu giá trị hợp đồng còn hiệu lực, khoản phải thu, chi phí vật liệu và tiến độ thanh toán; hồ sơ của doanh nghiệp thương mại nên có doanh thu theo tháng, dư nợ, lãi suất, kỳ đáo hạn và chi phí kho bãi. Các con số này mới là dữ liệu để chủ nợ biểu quyết theo ngưỡng 65% tại khoản 6 Điều 33 và để đối chiếu với báo cáo 03 tháng một lần theo khoản 2 Điều 35 (Luật Phục hồi, phá sản, 2025).

2.5. Một số kiến nghị

Thứ nhất, xây dựng biểu cảnh báo 06 tháng gắn với Điều 5 và Điều 24 Luật Phục hồi, phá sản 2025. Khoản 2 Điều 24 giao Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết, hướng dẫn Điều này. Một biểu cảnh báo dành cho doanh nghiệp nhỏ có thể chỉ cần năm dòng số liệu: tiền hiện có; khoản phải thu dự kiến thu trong 06 tháng; nợ đến hạn trong 06 tháng; chi phí lãi vay 06 tháng; doanh thu 06 tháng gần nhất. Chênh lệch giữa “tiền + khoản phải thu” và “nợ đến hạn” cho biết khoảng thiếu hụt dự kiến. Công cụ này không tạo thêm tiêu chuẩn mất khả năng thanh toán, mà chỉ giúp người quản lý nhận ra sớm tình trạng mà Điều 5 đã mô tả.

Thứ hai, chuẩn hóa hồ sơ rút gọn theo Điều 25 và Điều 68 Luật Phục hồi, phá sản 2025. Khoản 4 Điều 68 giao Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn chi tiết. Với vụ có không quá 20 chủ nợ không có bảo đảm và nợ gốc không quá 10 tỷ đồng, nên có bốn biểu mẫu chính: bảng chủ nợ và số nợ; bảng người mắc nợ và khoản phải thu; bảng tài sản cốt lõi; bảng dòng tiền 12 tháng. Hồ sơ vẫn phải đáp ứng Điều 25, nhưng tài liệu đã có chứng từ kế toán rõ ràng không nên yêu cầu lập lại ở nhiều biểu mẫu. Mục tiêu là làm cho thời hạn “bằng một nửa” tại Điều 69 đi kèm với lượng giấy tờ ít hơn, thay vì chỉ rút ngắn thời hạn trên văn bản.

Thứ ba, định lượng phương án phục hồi theo Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Luật Phục hồi, phá sản 2025. Phương án nên có doanh thu 12 tháng gần nhất; dự báo doanh thu theo quý; chi phí dự kiến cắt giảm; giá trị tài sản dự kiến bán; vốn mới cần huy động; số nợ để nghị giãn, giảm hoặc chuyển đổi; tỷ lệ trả từng nhóm chủ nợ. Khoản 3 Điều 28 cho 30 ngày để hoàn thiện phương án; khoản 2 Điều 29 giới hạn thời gian ở không quá 03 năm nếu Hội nghị chủ nợ không ấn định thời hạn; khoản 2 Điều 35 yêu cầu báo cáo 03 tháng một lần. Dùng cùng một bộ chỉ tiêu ở ba thời điểm này sẽ cho phép so sánh kế hoạch ban đầu với kết quả thực hiện.

Thứ tư, bồi dưỡng Quản tài viên theo hồ sơ ngành. Điều 15 Nghị định 65/2026/NĐ-CP đặt nghĩa vụ độc lập, trung thực và các giới hạn hành nghề; Điều 21 quy định căn cứ tính thù lao. Nội dung bồi dưỡng nên dùng hồ sơ thật hoặc hồ sơ mô phỏng theo ngành. Với xây dựng, bài tập phải có biến động giá vật liệu và hợp đồng mới, vì khảo sát quý I/2026 ghi nhận lần lượt 70,1% và 44,6% doanh nghiệp gặp hai khó khăn này. Với thương mại, dịch vụ, hồ sơ nên có cạnh tranh, nhu cầu, lãi suất và chi phí kho bãi tương ứng với các tỷ lệ 63,5%, 58,5%, 35,5% và 45,7% (Cục Thống kê, 2026g). Như vậy, Quản tài viên phải đánh giá dòng tiền và khả năng hoạt động, không chỉ kiểm kê tài sản.

Thứ năm, công bố bộ số liệu riêng cho thủ tục phục hồi. Giai đoạn 2015-2022 có 906 vụ được thụ lý, 682 vụ mở thủ tục và dưới 10 vụ phục hồi; tỷ lệ phục hồi vì thế thấp hơn 1,5% nếu tính trên số vụ đã mở thủ tục (Tòa án nhân dân tối cao, 2025). Với Luật năm 2025, nên công bố hằng năm tám chỉ tiêu: số đơn theo Điều 24; số đơn được thụ lý theo Điều 25; số vụ áp dụng Điều 27; số phương án hoàn thiện đúng 30 ngày tại Điều 28; số Hội nghị chủ nợ; số nghị quyết đạt 65% theo Điều 33; số vụ rút gọn theo Điều 68-69; số doanh nghiệp hoàn thành phương án. Khoản 2 Điều 35 đã tạo nguồn báo cáo 03 tháng một lần ở cấp vụ việc, nên việc tổng hợp các chỉ tiêu này có cơ sở dữ liệu rõ hơn.

Thứ sáu, gần hỗ trợ của Nhà nước với thời gian và chỉ tiêu của phương án. Khoản 1 Điều 4 cho phép hỗ trợ về thuế, phí, tín dụng, lãi suất, đất đai, công nghệ và chuyển đổi số; khoản 3 Điều 29 xác định thời gian hưởng hỗ trợ theo thời hạn phương án và về nguyên tắc không quá 03 năm (Luật Phục hồi, phá sản, 2025). Do đó, quyết định hỗ trợ nên ghi rõ thời hạn và chỉ tiêu đi kèm như doanh thu, số lao động duy trì, tỷ lệ nợ đã thanh toán hoặc vốn mới huy động. Các chỉ tiêu này có thể kiểm tra theo kỳ báo cáo 03 tháng tại Điều 35, thay vì đánh giá chung rằng doanh nghiệp “đang phục hồi”.

3. Kết luận

Thực trạng doanh nghiệp rút lui hoặc tạm rời khỏi thị trường giai đoạn 2025–2026 cho thấy nhu cầu về một cơ chế phục hồi sớm, đơn giản và phù hợp với doanh nghiệp có quy mô nhỏ. Các số liệu này không phải số vụ phục hồi tiềm năng, nhưng cho thấy quy mô của nhóm doanh nghiệp đang rời hoặc tạm rời thị trường. Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 đã mở rộng khả năng can thiệp sớm và thiết lập các cơ chế hỗ trợ phục hồi cụ thể hơn. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế còn phụ thuộc vào khả năng tiếp cận thủ tục, chi phí, chất lượng phương án phục hồi, năng lực của Quản tài viên và cơ chế giám sát. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện hướng dẫn thực thi, đơn giản hóa thủ tục và xây dựng hệ thống dữ liệu đánh giá kết quả phục hồi.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2026a). *Nghị định số 187/2026/NĐ-CP ngày 27/5/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Phục hồi, phá sản về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có vốn nhà nước sau khi Tòa án thụ lý đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi; hoạt động và giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản.*

Chính phủ (2026b). *Nghị định số 65/2026/NĐ-CP ngày 28/2/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phục hồi, phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.*

Cục Thống kê (2025). *Tình hình đăng ký doanh nghiệp 9 tháng năm 2025 - Thực trạng và giải pháp phát triển doanh nghiệp.* <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/10/tinh-hinh-dang-ky-doanh-nghiep-9-thang-nam-2025-thuc-trang-va-giai-phap-phat-trien-doanh-nghiep/>.

Cục Thống kê (2026a). *Báo cáo kết quả khảo sát tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quý I năm 2026.* <https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/04/bao-cao-ket-qua-khao-sat-tinh-hinh-san-xuat-kinh-doanh-cua-doanh-nghiep-quy-i-nam-2026/>.

Cục Thống kê (2026b). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý II và sáu tháng đầu năm 2026.* <https://www.nso.gov.vn/bai-top/2026/07/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-ii-va-sau-thang-dau-nam-2026/>.

Cục Thống kê (2026c). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2026.* <https://www.nso.gov.vn/bai-top/2026/09/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-tam-va-8-thang-nam-2026/>.

Cục Thống kê (2026d). *Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2026.* <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/04/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-i-nam-2026/>.

Cục Thống kê (2026e). *Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025.* <https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/>.

Cục Thống kê (2026f). *Thực trạng và xu hướng phát triển doanh nghiệp Việt Nam quý I năm 2026.* <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/04/thuc-trang-va-xu-huong-phat-trien-doanh-nghiep-viet-nam-quy-i-nam-2026/>.

Cục Thống kê (2026g). *Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quý I năm 2026: Cơ hội và thách thức đan xen.* <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/04/tinh-hinh-san-xuat-kinh-doanh-cua-doanh-nghiep-quy-i-nam-2026-co-hoi-va-thach-thuc-dan-xen/>.

Quốc hội (2014). *Luật Phá sản.* Luật số 51/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Quốc hội (2025). *Luật Phục hồi, phá sản.* Luật số 142/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Tòa án nhân dân tối cao (2025). *Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Phá sản (sửa đổi).* *Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao.* <https://vbpq.toaan.gov.vn/>.